TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12- VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 22 - 8 - 2025

"V/v *Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12- VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đinh Thị Thúy Hằng.

Bà Trang Thị Cẩm Nhuần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Thi - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12- Vĩnh Long, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 12- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trang Thị Thanh H, sinh năm 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp L, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp L, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2025 và bản tự khai nguyên đơn chị Trang Thị Thanh H trình bày:

Vào năm 2003, chị có xác lập quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn Đ và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh ngày 20/7/2005. Trong quá trình chung sống chị và anh Đ có 02 con chung tên: Nguyễn Quế Q, sinh ngày 24/10/2004 và Nguyễn Minh Q1, sinh ngày 27/4/2009, hiện nay cháu Q đã có gia đình riêng, cháu Q1 đang sống chung với chị. Về tài sản chung và

nợ chung: không có. Nguyên nhân mâu thuẫn: do chồng chị không quan tâm lo lắng cho gia đình vợ con, chồng chị đi làm không đem tiền về phụ giúp chị nuôi con nên chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Chị đã từng làm đơn gởi đến Toà án xin ly hôn, Toà triệu tập nhiều lần nhưng chồng chị không chịu đến để giải quyết, vì vậy chị đã rút đơn và Toà đã đình chỉ giải quyết vụ án. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Về hôn nhân: chị yêu cầu được ly hôn với chồng chị là anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên: Nguyễn Minh Q1, sinh ngày 27/4/2009 và chị không yêu cầu chồng chị phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Quế Q đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 7 năm 2025 bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Vào năm 2003 anh có xác lập quan hệ hôn nhân với chị Trang Thị Thanh H và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh ngày 20/7/2005 Trong quá trình chung sống anh và chị H có 02 con chung tên Nguyễn Quế Q, sinh ngày 24/10/2004 và Nguyễn Minh Q1, sinh ngày 27/4/2009. Tài sản chung và nợ chung: không có. Do anh đi làm xa vợ anh không còn tình cảm với anh nên nhiều lần xin ly hôn. Ý kiến của anh như sau:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Trang Thị Thanh H.

- Về con chung: Anh đồng ý giao cháu Nguyễn Minh Q1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về cháu Nguyễn Quế Q đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

Về hôn nhân: Chị H và anh Đ thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh Đ thống nhất giao con chung tên Nguyễn Minh Q1, sinh ngày 27/4/2009 cho chị H nuôi theo nguyện vọng của cháu và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Đối với cháu Nguyễn Quế Q, sinh ngày 24/10/2004 đã thành niên nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Đ thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có mặt và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn chị Trang Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Đồng thời bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có địa chỉ tại ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp L, xã T, tỉnh Vĩnh Long) nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12- Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt chị H và anh Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo chị H và anh Đ khai thì cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36 quyển số 01, vào ngày 20/7/2005. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với tài liệu đã cung cấp là Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 20/7/2005 nên xác định hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị H trình bày do vợ chồng sống chung không hợp, do anh Đ không lo lắng cho gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H nhận thấy không còn tình cảm với anh Đ nên xin ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân của hai bên đã phát sinh mâu thuẫn họ có tranh cãi và đã từng có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 12- Vĩnh Long giải quyết nhưng sau đó chị H rút đơn lại để cho anh Đ cơ hội sửa đổi. Nhưng đến nay chị không còn tình cảm với anh Đ nữa.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của chị H và anh Đ thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không ai quan tâm cuộc sống của ai làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời chị H xin ly hôn thì anh Đ cũng đồng ý. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Trang Thị Thanh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Trang Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Quế Q, sinh ngày 24/10/2004 và Nguyễn Minh Q1, sinh ngày 27/4/2009 chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Q1 không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 23/7/2025 của cháu Nguyễn Minh Q1 (bút lục 24-25) thể hiện cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ. Chị H là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con. Do đó việc giao con cho chị H tiếp tục

nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo không thay đổi môi trường sống và phù hợp nguyện vọng của con chung. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H giao Nguyễn Minh Q1, sinh ngày 27/4/2009 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Từ lúc thụ lý vụ án Tòa án đã giải thích về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nhưng chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Đ khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trang Thị Thanh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trang Thị Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn chị Trang Thị Thanh H được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Trang Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Quế Q, sinh ngày 24/10/2004 và Nguyễn Minh Q1, sinh ngày 27/4/2009. Giao cho chị H trực tiếp nuôi Nguyễn Minh Q1, sinh ngày 27/4/2009 theo nguyện vọng của cháu. Riêng cháu Nguyễn Quế Q, sinh ngày 24/10/2004 đã thành niên và anh Đ chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con Tòa án đã giải thích cho chị H về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trang Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn Đ khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Trang Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006634 ngày 26/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Chị Trang Thị Thanh H đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 12- Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã T, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Võ Thị Ngọc Quyền